

Bản án số: 115/2022/DS-ST

Ngày : 16-12-2022

“T/c đòi tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.

2- Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 153 ấp Bình Lợi, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã M, huyện M, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 25-11-2022, có mặt).

Bị đơn: Bà Bùi Thanh H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 6 lô B đường số 6, Khu phố Cầu xây, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 153 ấp Bình Lợi, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc M trình bày: Vào tháng 6 năm 2022, bà M có nhu cầu vay vốn để phục vụ việc mở rộng chăn nuôi nhưng không biết về thủ tục vay

nên nhờ bà Bùi Thanh H liên hệ vay ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), bà M đồng ý trả phí cho bà H là 200.000.000 đồng (5% số tiền vay). Ngày 02-6-2022, bà M đưa trước cho bà H 120.000.000 đồng để làm hồ sơ vay, bà H đưa cho một người tên Khải 80.000.000 đồng còn bà H giữ 40.000.000 đồng. Do không thực hiện được hồ sơ vay vốn như thỏa thuận ban đầu nên vào ngày 05-8-2022, ông K đã trả lại cho bà M 80.000.000 đồng, còn bà H viết giấy nhận nợ hứa trả bà M 40.000.000 đồng vào ngày 10-8-2022 nhưng bà H không trả. Do đó bà M khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà M số tiền là 40.000.000 đồng.

Trong bản tự khai ngày 08-11-2022, bị đơn là bà Bùi Thanh H trình bày: Ngày 02-6-2022, bà M có nhờ bà H làm hồ sơ vay vốn ngân hàng với số tiền 4 tỷ, bà M trả phí là 5% trên số tiền vay. Bà H đồng ý nhưng hai bên không ký hợp đồng dịch vụ mà ký kết hợp đồng đặt cọc mua tôm ghi ngày 25-7-2022, bên bà M là người mua và bên bà H là người bán, giá trị hợp đồng là 220.000.000 đồng, bà H có nhận trước số tiền 120.000.000 đồng. Cùng ngày 25-7-2022, hai bên có ký Phụ lục hợp đồng, quy đổi thành hợp đồng vay vốn tại ngân hàng. Quá trình bà H làm hồ sơ vay vốn không được ngân hàng chấp nhận, do tài sản bà M đưa thế chấp là quyền sử dụng đất đang có tranh chấp nên ngân hàng không giải quyết hồ sơ cho vay. Số tiền nhận của bà M 120.000.000 đồng bà H đưa cho ông Lê Hoàng K 80.000.000 đồng, bà H giữ 40.000.000 đồng, sau khi vay tiền của Ngân hàng không được thì ông K đã trả bà M số tiền 80.000.000 đồng. Trong quá trình làm hồ sơ bà H đã bỏ ra một khoản tiền chi phí đi lại và ăn uống là 65.000.000 đồng nên bà H không đồng ý trả lại cho bà M số tiền 40.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 18-11-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu H trình bày: Vào tháng 6 năm 2022, vợ chồng ông H bà M có nhu cầu vay vốn để phục vụ việc mở rộng chăn nuôi, thông qua người khác giới thiệu nên ông H và bà M nhờ bà H liên hệ ngân hàng để làm thủ tục vay số tiền 4.000.000.000 đồng. Ông H và bà M đồng ý trả phí cho bà H 5% trên số tiền vay. Ngày 02-6-2022, ông H và bà M đưa trước 120.000.000 đồng cho bà H để chuẩn bị hồ sơ vay, bà H đưa cho một người tên Khải 80.000.000 đồng còn bà H giữ 40.000.000 đồng. Do không vay vốn ngân hàng được nên ông K đã trả lại cho ông H và bà M 80.000.000 đồng, còn bà H viết giấy nhận nợ hứa trả cho bà M 40.000.000 đồng vào ngày 10-8-2022 nhưng bà H không trả. Ông H thống nhất với bà M, yêu cầu bà H trả số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà H cho rằng do bà M đưa tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đang bị tranh chấp nên ngân hàng không cho vay, đây là lỗi của bà M nên bà H không đồng ý trả tiền lại cho bà M. Bà H cung cấp USB và cho rằng hình ảnh người đàn ông ngồi ghé uống nước sau đó đứng lên cầm vật để trên bàn giống xấp tiền và rời đi chính là ông Lê Hoàng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu H yêu cầu bà Bùi Thanh H trả số tiền là 40.000.000 đồng theo giấy nhận nợ có ghi ngày 10-8-2022 nhưng bà H không đồng ý. Như vậy tranh chấp giữa bà M, ông H với bà H là tranh chấp về đòi tài sản, căn cứ theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M:

[2.1] Theo bà M, ông H và bà H trình bày thì vào tháng 6 năm 2022, bà M và ông H có nhờ bà H làm hồ sơ vay vốn ngân hàng với số tiền 4 tỷ, bên bà M trả phí cho bà H là 220.000.000 đồng. Hai bên không ký hợp đồng dịch vụ mà ký kết hợp đồng đặt cọc mua tôm ghi ngày 25-7-2022, bên bà M là người mua và bên bà H là người bán, giá trị hợp đồng là 220.000.000 đồng, bà H có nhận trước số tiền 120.000.000 đồng, thời gian thực hiện từ ngày 25-7-2022 đến ngày 02-8-2022. Cùng ngày 25-7-2022, hai bên có ký Phụ lục hợp đồng, quy đổi thành hợp đồng vay vốn tại ngân hàng, khi hợp đồng vay vốn ngân hàng được ký kết, bên bà M được vay 4 tỷ và bên bà H được nhận đủ 100.000.000 đồng thì hợp đồng và phụ lục hợp đồng hết hiệu lực. Số tiền nhận của bà M, bà H đưa cho ông Lê Hoàng K 80.000.000 đồng để giúp làm hồ sơ vay, bà H giữ lại 40.000.000 đồng. Sau đó, do không vay tiền của ngân hàng được nên ông K trả lại bà M số tiền 80.000.000 đồng, còn bà H viết giấy nhận nợ hẹn ngày 10-8-2022 trả cho bà M 40.000.000 đồng nhưng đến hẹn bà H không trả từ đó phát sinh tranh chấp.

[2.2] Bà H cho rằng do bà M đưa tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đang bị tranh chấp nên ngân hàng không cho vay là lỗi của bà M do đó bà H không đồng ý trả lại tiền cho bà M. Tuy nhiên, theo tài liệu do bà H cung cấp thể hiện vào tháng 01 năm 2022, ông H có tranh chấp đất với người khác là phần rạch nước nằm tiếp giáp với thửa 213, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Bình Lợi, xã Đức Tân, huyện Tân Trụ do ông H đứng tên chứ không phải tranh chấp thửa đất số 213. Bà H cũng không có tài liệu gì chứng minh vào thời điểm từ ngày 25-7-2022 đến ngày 02-8-2022 Tòa án có thụ lý vụ án dân sự tranh chấp đối với thửa đất số 213 như bà H trình bày. Mặc khác theo tài liệu do bà M cung cấp thì vào ngày 30-8-2022, ông H và bà M đã thế chấp thửa đất số 213 tờ bản đồ số 15 do ông H đứng tên nói trên cho Ngân hàng TM TNHH một thành viên A để vay số tiền 4 tỷ đồng. Do đó bà H

cho rằng do bà M đưa tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đang bị tranh chấp nên ngân hàng không cho vay là không đủ cơ sở.

[2.3] Bà H còn cho rằng trong quá trình làm hồ sơ bà H đã bỏ ra một khoản tiền chi phí đi lại và ăn uống là 65.000.000 đồng nên bà H không đồng ý trả lại tiền cho bà M. Xét thấy trong hợp đồng đặt cọc có ghi: “*Nếu như trong thời gian hợp đồng quy định, Tôi (bà H) giao tóm đầy đủ số lượng sẽ nhận thêm 100.000.000 đồng. Nếu như tôi không giao đủ tôi sẽ hoàn lại số tiền 120.000.000 đồng*”, bà H thừa nhận ý nghĩa nội dung hợp đồng là nếu không vay được tiền thì bà H sẽ trả cho bà M ông H 120.000.000 đồng đã nhận. Ngoài Hợp đồng đặt cọc và Phụ lục hợp đồng thì các bên không thỏa thuận trường hợp nào bên bà M phải chịu chi phí. Bà H còn trình bày do bên bà M đe dọa nên bà H phải ghi giấy nhận nợ nhưng bà H không có tài liệu gì chứng minh là bà H bị ép buộc. Nội dung Vi bằng số 491/2022/ViB-TPL.LA của Văn phòng Thừa phát lại Long An lập ngày 21-10-2022 do bà M cung cấp ghi nhận nội dung ghi âm các cuộc nói chuyện qua điện thoại di động và các bản phô tô nội dung tin nhắn qua điện thoại do bà H cung cấp đều chưa được kiểm định người đứng tên đăng ký sử dụng sim điện thoại nên không đủ cơ sở để xem xét.

Từ các nhận định trên thấy rằng bà M và ông H yêu cầu bà H trả số tiền 40.000.000 đồng theo giấy nhận nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà H cung cấp USB và cho rằng hình ảnh người đàn ông ngồi ghé uống nước sau đó đứng lên cầm vật để trên bàn giống xấp tiền đi nơi khác chính là ông Lê Hoàng K nhưng bà H không xác định được ông K là người có chức vụ quyền hạn gì, đang làm tại ngân hàng nào. Do ông K đã trả lại tiền cho bà M và ông H, bà M và ông H không có yêu cầu gì đối với ông K nên không xem xét.

[4] Bà M có giữ của bà H 01 giấy chứng minh nhân dân số 301196049 tên Bùi Thanh H, do bà H có nhu cầu lấy lại do đó bà M phải trả cho bà H 01 giấy chứng minh nhân dân của bà H mà bà M đang giữ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc M đối với bà Bùi Thanh H về đòi tài sản.

Buộc bà Bùi Thanh H phải trả cho bà Võ Thị Ngọc M và ông Trần Hữu H số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc bà Võ Thị Ngọc M phải trả bà Bùi Thanh H 01 giấy chứng minh nhân dân số 301196049 tên Bùi Thanh H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thanh H phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Bà Võ Thị Ngọc M và ông Trần Hữu H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị Ngọc M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 (Một triệu) đồng theo biên lai thu số 0002690 ngày 19-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16-12-2022. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiên